

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022.

V/v “ Xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tùng.

Ông Ngô Hoàng Bá.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là Luật sư **Nguyễn Văn P** – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang

Bị đơn: **Lê Thị Bích L**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: ấp V, xã T, Huyện A, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Hoàng C1**, sinh năm 1973

Bà **Đoàn Thị C**, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện A, thành phố Cần Thơ

Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện A, thành phố Cần Thơ

(Luật sư P và các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, riêng ông H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 28/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng cách chăm sóc con chung nên không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2016. Từ khi ly thân đến nay cháu T do bị đơn nuôi dưỡng. Khi ly hôn đồng ý giao cháu T cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vào năm 2019 - 2020 vợ chồng nhận cổ đất của ông H số tiền là 100.000.000đồng, thời hạn cổ đất đã hết và đã thỏa thuận xong nên rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

01 chiếc xe Honda Vision biển số 67L1 73504 cấp ngày 03/8/2016 do nguyên đơn đứng tên sở hữu còn xe do bị đơn quản lý sử dụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận xong nên rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tham gia 01 chân hụi, hốt được số tiền là 35.000.000đồng, tiền hụi do bị đơn giữ nên yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ là 17.500.000đồng.

Trong thời gian chung sống có dư và mua được 3,5 chỉ vàng 24 k (9999) do bị đơn giữ nên yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ là 1,75 chỉ vàng 24 k (9999).

Khi cưới bên vợ cho 10 chỉ vàng 18 k do bị đơn giữ nhưng nguyên đơn chỉ đề nghị chia 03 chỉ vàng 18 k.

Về nợ: Năm 2016 vợ chồng mua xe Honda Vision biển số 67L1 73504 cấp ngày 03/8/2016 nhưng không đủ tiền nên có mượn của ba vợ là ông C số tiền 2.500.000 đồng chứ không phải 4.000.000đồng như ông C trình bày. Đến năm 2017 nguyên đơn đưa tiền cho bị đơn trả cho ông C xong số tiền 2.500.000 đồng nên không đồng ý tiếp tục trả theo yêu cầu của ông C.

Vào năm 2019 – 2020 nguyên đơn có nhận của mẹ vợ là bà C đưa 02 chỉ vàng 24 k (9999) bán ra đưa tiền mặt, do nhận cổ đất của ông H không đủ tiền.

Nhưng theo nguyên đơn thì vợ chồng làm có dư vàng gửi mẹ vợ là bà C giữ nên bà C bán vàng đưa cho nguyên đơn, do đó không đồng ý trả vàng theo yêu cầu ông C.

Về phần nợ ông C và vàng do bà C đưa không làm biên nhận, không ai biết và không có chứng cứ gì chứng minh.

Tại phiên tòa ý kiến nguyên đơn như sau: tiền cổ đất của ông H bao gồm vàng 20 chỉ 24k (9999) là vàng cưới của vợ chồng gửi bà D mẹ của nguyên đơn giữ và đã bán ra cổ đất cho ông H, vấn đề này tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn rút tất cả các yêu cầu về tài sản chung, tự thỏa thuận với bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày như sau: Hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 28/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng cách chăm sóc con chung, nguyên đơn hay đi tiệc với bạn bè về nhà có hành vi không chuẩn mực, đã khuyên nhiều lần không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Bị đơn xác định không còn tình cảm với nguyên đơn nên đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2016. Từ khi ly thân đến nay cháu T do bị đơn nuôi dưỡng. Khi ly hôn bị đơn yêu cầu tiếp tục cháu T và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vào năm 2019 - 2020 vợ chồng nhận cổ đất của ông H số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn cổ đất đã hết và đã thỏa thuận xong. 01 chiếc xe Honda Vision biển số 67L1 73504 cấp ngày 03/8/2016 do nguyên đơn đứng tên sở hữu còn xe do bị đơn quản lý sử dụng, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận xong. Đối với 02 yêu cầu này nguyên đơn rút đơn khởi kiện bị đơn thống nhất không có ý kiến gì.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tham gia 01 chân hụi, hốt được số tiền là 13.000.000 đồng chứ không phải 35.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, tiền hụi do bị đơn giữ nhưng đã chi các khoản lo cho con và không còn tiền nên không đồng ý chia cho nguyên đơn.

Trong thời gian chung sống có dư và mua được 3,5 chỉ vàng 24 k (9999) do mẹ chồng bà D giữ nhưng đã bán để nhận cổ đất cho ông H nên không còn và không đồng ý chia.

Còn 10 chỉ vàng 18 k do bị đơn giữ, đây vàng có trước khi cưới là tài sản riêng của bị đơn và đã chi sai hết nên không đồng ý chia.

Về nợ: Năm 2016 vợ chồng mua xe Honda Vision biển số 67L1 73504 cấp ngày 03/8/2016 nhưng không đủ tiền nên có mượn của ba ruột là ông C số tiền là 4.000.000đồng đến nay chưa trả. Vào năm 2019 – 2020 nguyên đơn có nhận của mẹ ruột bị đơn là bà C đưa 02 chỉ vàng 24 k (9999) bán đưa tiền mặt. Lý do nhận cổ đất của ông H không đủ tiền nên mượn thêm đến nay chưa trả. Số vàng này mượn của ông C chứ vợ chồng không có vàng dư gửi cho bà C như nguyên đơn trình bày. Về phần nợ ông C đưa không làm biên nhận, không ai biết.

Tại phiên tòa hôm nay ý kiến như sau: tiền cổ đất của ông H bao gồm 20 chỉ vàng 24k (9999) là vàng cưới của vợ chồng gửi bà D mẹ của nguyên đơn và đã bán ra cổ đất cho ông H, việc này sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn rút tất cả các yêu cầu về chia tài sản chung thì bị đơn không ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C trình bày như sau:

Vào năm 2016 nguyên đơn, bị đơn mua xe Honda Vision biển số 67L1 73504 cấp ngày 03/8/2016 nhưng không đủ tiền nên có mượn ông C số tiền là 4.000.000đồng đến nay chưa trả. Vào năm 2019 – 2020 nguyên bị đơn có mượn của ông 02 chỉ vàng 24 k (9999) do bà C bán đưa tiền mặt. Nguyên nhân do cổ đất cho ông H không đủ nên mượn thêm đến nay chưa trả. Số vàng này của ông C chứ nguyên đơn, bị đơn không có vàng dư gửi cho bà C như nguyên đơn trình bày. Về phần nợ ông C đưa không làm biên nhận, không ai biết. Đề nghị nguyên đơn, bị đơn mỗi người trả cho ông $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay ý kiến như sau: ông C rút toàn bộ yêu cầu độc lập không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C1 thống nhất lời trình bày của ông C không bổ sung gì thêm.

Bà D trình bày: Bà có giữ 20 chỉ vàng 24 k (9999) là vàng cưới của nguyên đơn, bị đơn nhưng đã trả, bán ra cổ đất cho ông H. Ngoài ra, không còn giữ bất cứ tài sản gì của nguyên bị đơn, việc bị đơn cho rằng bà giữ 3,5 chỉ vàng 24 k (9999) là không có việc này.

Lưu ý P bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án

của đương sự, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, về con chung công nhận sự thỏa thuận các đương sự giao con chung Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2016 cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, riêng và nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của nguyên bị đơn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên bị đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách chăm sóc con, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nguyên bị đơn ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của nguyên bị đơn dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua thử thách đời thường. Tuy nhiên, nguyên bị đơn đồng ý ly hôn nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về việc giao con chung là Nguyễn Phước Thịnh, sinh ngày 10/5/2016 cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì rút yêu cầu.

Lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí: Công nhận nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định pháp luật. Các đương sự rút đơn khởi kiện và rút yêu cầu độc lập sẽ nhận lại tạm ứng án phí đã nhận theo quy định.

[8] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, điểm a khoản 1 Điều 217, 218 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 27, 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Nguyễn Phước Tvới bị đơn Lê Thị Bích L.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn về việc đồng ý giao con chung tên Nguyễn Phước Thịnh, sinh ngày 10/5/2016 cho bị đơn Lê Thị Bích L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nguyên đơn Nguyễn Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn Nguyễn Phước T do rút yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C do rút yêu cầu độc lập.

Về án phí Hôn nhân gia đình: Nguyên đơn Nguyễn Phước T tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006083 ngày 29/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, nguyên đơn không phải nộp thêm án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Phước T được nhận lại tạm ứng án phí 3.103.000 đồng theo biên lai thu số 006207 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Ông Lê Hoàng C được nhận lại tạm ứng án phí 370.000đồng theo biên lai thu số 006204 ngày 23/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh
- Các đương sự.
- Lưu HS

Võ Hà Thía